

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành chương trình đào tạo (điều chỉnh)

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

Căn cứ Nghị định số 186/2013/NĐ-CP ngày 17 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ về Đại học Quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 26/2014/QĐ-TTg ngày 26 tháng 03 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học Quốc gia và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;

Căn cứ Quyết định số 510/QĐ-XHNV ngày 05 ngày 03 tháng 2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội ban hành Quy định về tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn;

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 06 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về chuẩn chương trình đào tạo, xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 3638/QĐ-ĐHQGHN ngày 21 tháng 10 năm 2022 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội ban hành Quy chế đào tạo tiến sĩ tại Đại học Quốc gia Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 4555/QĐ-ĐHQGHN ngày 22 tháng 12 năm 2022 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội ban hành Quy định về mở ngành và điều chỉnh chương trình đào tạo tại Đại học Quốc gia Hà Nội;

Căn cứ Hướng dẫn số 1144/HD-ĐHQGHN ngày 03 tháng 04 năm 2023 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội về việc Điều chỉnh, cập nhật chương trình đào tạo tại Đại học Quốc gia Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 1855/QĐ-ĐHQGHN ngày 30 tháng 05 năm 2023 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội về việc Ủy quyền kí điều chỉnh, cập nhật chương trình đào tạo tại Đại học Quốc gia Hà Nội (năm 2023);

Theo đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ ngành Triết học, mã số ngành: 9229001.

Điều 2. Chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ ngành Triết học ban hành kèm theo Quyết định này được áp dụng cho nghiên cứu sinh từ khóa tuyển sinh năm 2022 của Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.

Điều 3. Trưởng phòng Đào tạo, Trưởng phòng Tổ chức – Cán bộ, Trưởng phòng Kế hoạch – Tài chính, Trưởng khoa Triết học và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- ĐHQGHN (để báo cáo);
- Lưu: VT, ĐT.

HIỆU TRƯỞNG

GS.TS Hoàng Anh Tuấn

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ

NGÀNH: TRIẾT HỌC

MÃ SỐ : 9229001

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 3676/QĐ-XHNV ngày 26 tháng 9 năm 2023 của
Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn)*

PHẦN I. GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Một số thông tin về chuyên ngành đào tạo

- Tên ngành đào tạo:

+ Tiếng Việt: Triết học

+ Tiếng Anh: Philosophy

- Mã số ngành đào tạo: 9229001

- Ngôn ngữ đào tạo: Tiếng Việt

- Trình độ đào tạo: Tiến sĩ

- Thời gian đào tạo: 3 năm đối với người có bằng thạc sĩ, 4 năm đối với người có bằng tốt nghiệp đại học.

- Tên văn bằng sau tốt nghiệp:

+ Tiếng Việt: Tiến sĩ ngành Triết học

+ Tiếng Anh: Doctor in Philosophy

2. Mục tiêu của chương trình đào tạo

2.1. Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo tiến sĩ ngành triết học cung cấp cho người học những kiến thức lý luận triết học, lịch sử triết học, chính trị - xã hội, quản lý văn hóa - tôn giáo nâng cao và chuyên sâu, cùng những hiểu biết mới, cập nhật về thực tiễn đang biến đổi nhanh chóng trong mọi lĩnh vực đời sống, nhằm đào tạo những chuyên gia trong lĩnh vực triết học, có khả năng phát hiện, phân tích và giải quyết các vấn đề đặt ra từ góc độ tiếp cận triết học và lập trường thế giới quan duy vật biện chứng.

2.2. Mục tiêu cụ thể

Đào tạo chuyên gia triết học trình độ cao, có những kiến thức triết học chuyên sâu, cập nhật theo sát tư duy triết học hiện đại, phù hợp với thực tiễn chính trị - xã hội của đất nước.

Có kỹ năng làm chủ phương pháp luận biện chứng duy vật trong nghiên cứu và giải quyết một cách thuyết phục các vấn đề lý luận và thực tiễn. Rèn luyện được năng lực nghiên cứu độc lập và tổ chức nghiên cứu theo nhóm; có khả năng tổng hợp làm giàu và bổ sung tri thức chuyên môn, khả năng suy luận, phân tích và giải quyết các vấn đề mà thực tiễn đặt ra trên bình diện triết học.

Có khả năng đưa ra các ý tưởng, kiến thức mới trong bối cảnh thực tiễn đất nước, có khả năng quản lý nghiên cứu và có trách nhiệm cao trong việc học tập để phát triển tri thức chuyên nghiệp, kinh nghiệm và sáng tạo ra ý tưởng mới, thích ứng và dẫn dắt người khác trong nghiên cứu khoa học.

3. Thông tin tuyển sinh

3.1. Phương thức tuyển sinh: Xét hồ sơ thông qua đánh giá hồ sơ chuyên môn theo Quy định của Đại học Quốc gia Hà Nội (ĐHQGHN)

3.2. Đối tượng tuyển sinh

3.2.1. Yêu cầu về văn bằng, ngành học, xếp loại tốt nghiệp

Đã tốt nghiệp thạc sĩ hoặc tốt nghiệp đại học chính quy hạng Giỏi trở lên ngành/chuyên ngành phù hợp, hoặc tốt nghiệp trình độ tương đương bậc 7 theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam ở một số ngành đào tạo chuyên sâu đặc thù phù hợp với ngành/chuyên ngành đào tạo tiến sĩ. Trường hợp thí sinh phải học bổ sung kiến thức thì cần hoàn thành trước khi đăng ký dự tuyển. Cụ thể, đối tượng tuyển sinh cần đáp ứng một trong những điều kiện sau đây về văn bằng:

- Có bằng thạc sĩ hoặc có bằng tốt nghiệp đại học chính quy ngành/chuyên ngành phù hợp 1;
- Có bằng thạc sĩ ngành ngành/chuyên ngành phù hợp 2 và các trường hợp khác (nếu có);
- Văn bằng do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp phải thực hiện thủ tục công nhận theo quy định hiện hành của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

3.2.3. Yêu cầu về năng lực và kinh nghiệm nghiên cứu

- Đáp ứng yêu cầu đầu vào theo chuẩn chương trình đào tạo do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành và của chương trình đào tạo tiến sĩ đăng kí dự tuyển.

- Có kinh nghiệm nghiên cứu thể hiện qua luận văn thạc sĩ của chương trình đào tạo định hướng nghiên cứu và các công trình công bố theo quy định đơn vị đào tạo (nếu có). Riêng các thí sinh có bằng thạc sĩ định hướng ứng dụng hoặc có bằng thạc sĩ ngành/chuyên ngành phù hợp phải học bổ sung kiến thức hoặc thí sinh dự tuyển từ cử nhân thì phải là tác giả hoặc đồng tác giả của tối thiểu 01 công bố khoa học. Công bố khoa học có thể là bài báo thuộc tạp chí khoa học chuyên ngành hoặc báo cáo khoa học đăng tại kỉ yếu của các hội nghị, hội thảo khoa học quốc gia hoặc quốc tế có phản biện, có mã số xuất bản ISBN liên quan đến lĩnh vực hoặc đề tài nghiên cứu, được hội đồng chức danh giáo sư, phó giáo sư của ngành/liên ngành công nhận.

- Có đề cương nghiên cứu, trong đó nêu rõ tên đề tài dự kiến, lĩnh vực nghiên cứu; lý do lựa chọn lĩnh vực, đề tài nghiên cứu; giản lược về tình hình nghiên cứu lĩnh vực đó trong và ngoài nước; mục tiêu nghiên cứu; một số nội dung nghiên cứu chủ yếu; phương pháp nghiên cứu và dự kiến kết quả đạt được; lý do lựa chọn đơn vị đào tạo; kế hoạch thực hiện trong thời gian đào tạo; những kinh nghiệm, kiến thức, sự hiểu biết cũng như những chuẩn bị của thí sinh cho việc thực hiện luận án tiến sĩ. Trong đề cương có thể đề xuất cán bộ nghiên cứu làm người hướng dẫn.

- Có thư giới thiệu của ít nhất 01 nhà khoa học có chức danh giáo sư, phó giáo sư hoặc học vị tiến sĩ khoa học, tiến sĩ đã tham gia hoạt động chuyên môn với người dự tuyển và am hiểu lĩnh vực chuyên môn mà người dự tuyển dự định nghiên cứu. Thư giới thiệu phải có những nhận xét, đánh giá người dự tuyển về:

+ Phẩm chất đạo đức, năng lực và thái độ nghiên cứu khoa học, trình độ chuyên môn của người dự tuyển;

+ Đối với nhà khoa học đáp ứng các tiêu chí của người hướng dẫn nghiên cứu sinh và đồng ý nhận làm cán bộ hướng dẫn luận án, cần bổ sung thêm nhận xét về tính cấp thiết, khả thi của đề tài, nội dung nghiên cứu; và nói rõ khả năng huy động nghiên cứu sinh vào các đề tài, dự án nghiên cứu cũng như nguồn kinh phí có thể chi cho hoạt động nghiên cứu của nghiên cứu sinh (nếu có);

+ Những nhận xét khác và mức độ ủng hộ, giới thiệu thí sinh làm nghiên cứu sinh.

3.2.3. Yêu cầu về ngoại ngữ

- Người dự tuyển là công dân Việt Nam phải đạt yêu cầu về năng lực ngoại ngữ phù hợp với chuẩn đầu ra về ngoại ngữ của chương trình đào tạo được minh chứng bằng

một trong những văn bằng, chứng chỉ sau:

+ Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên do một cơ sở đào tạo nước ngoài, phân hiệu của cơ sở đào tạo nước ngoài ở Việt Nam hoặc cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp cho người học toàn thời gian bằng tiếng nước ngoài;

+ Bằng tốt nghiệp đại học ngành ngôn ngữ nước ngoài hoặc sư phạm tiếng nước ngoài do các cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp;

+ Chứng chỉ ngoại ngữ tương đương trình độ bậc 4 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam trong thời hạn 2 năm kể từ ngày thi chứng chỉ ngoại ngữ đến ngày đăng ký dự tuyển được cấp bởi các cơ sở được Bộ Giáo dục và Đào tạo và ĐHQGHN chấp nhận.

- Người dự tuyển là công dân nước ngoài nếu đăng ký theo học chương trình đào tạo tiến sĩ bằng tiếng Việt phải có chứng chỉ tiếng Việt tối thiểu từ bậc 4 trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài hoặc đã tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) mà chương trình đào tạo được giảng dạy bằng tiếng Việt và phải đáp ứng yêu cầu về ngoại ngữ thứ hai theo quy chuẩn của chương trình đào tạo (nếu có), trừ trường hợp là người bản ngữ của ngôn ngữ được sử dụng trong chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ.

3.2.4. Yêu cầu khác

- Lý lịch bản thân rõ ràng, không trong thời gian thi hành án hình sự, kỉ luật từ mức cảnh cáo trở lên.

- Có đủ sức khỏe để học tập.

- Cam kết thực hiện các nghĩa vụ tài chính trong quá trình đào tạo theo quy định của đơn vị đào tạo.

3.3. Danh mục ngành phù hợp và học phần bổ sung kiến thức

3.3.1. Danh mục ngành phù hợp

- Ngành phù hợp 1: Triết học, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Tôn giáo học.

- Ngành phù hợp 2:

+ Ngành trong nhóm ngành: Khác của lĩnh vực nhân văn;

+ Ngành: Nhân học, Khoa học quản lý, Chính trị học, Hồ Chí Minh học, Kinh tế chính trị, Kinh tế phát triển, Kinh tế quốc tế, Quản lý nhà nước, Giáo dục công dân, Giáo dục Chính trị, Giáo dục học, Quản lý Giáo dục, Xã hội học, Tâm lý học, Lịch

sử, Quốc tế học, Quan hệ quốc tế, Châu Á học, Đông Phương học, Việt Nam học.

- Đối với các trường hợp ngành phù hợp khác, Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn thành lập hội đồng chuyên môn để đánh giá mức độ phù hợp của người dự tuyển với chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Triết học, và xác định các học phần bổ sung tương ứng (nếu cần), đảm bảo đáp ứng chuẩn đầu vào của chương trình đào tạo và các quy định hiện hành; báo cáo ĐHQGHN trước khi tuyển sinh và chịu trách nhiệm về việc đánh giá chuyên môn này.

3.3.2 Danh mục học phần bổ sung kiến thức với đối tượng ngành phù hợp 2

STT	Học phần	Số tín chỉ
1	Thế giới quan, Phương pháp luận và Phương pháp nghiên cứu triết học	3
2	Chủ nghĩa xã hội và vấn đề quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam	3
3	Tư tưởng triết học Việt Nam: Truyền thống và hiện đại	2
4	Triết học về con người trong cách mạng khoa học - công nghệ	2
5	Kinh điển Tam giáo	3
6	Nhà nước pháp quyền: Một số vấn đề lý luận và thực tiễn	2
Tổng cộng		15

3.4. Dự kiến quy mô tuyển sinh

Theo chỉ tiêu được ĐHQGHN cấp hàng năm (dự kiến 8-12 ncs/1 năm).

Kế hoạch tuyển sinh chi tiết được thực hiện theo Quy chế tuyển sinh, hướng dẫn tuyển sinh sau đại học hàng năm của ĐHQGHN, và đề án tuyển sinh của đơn vị được ĐHQGHN phê duyệt (nếu có).

PHẦN II. CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Yêu cầu về chất lượng luận án

- Luận án phải là công trình nghiên cứu khoa học độc lập, có đóng góp mới cho việc giải quyết vấn đề khoa học, lí luận hoặc thực tiễn đang đặt ra, góp phần xây dựng, hình thành khung lí thuyết mới, hệ tư tưởng mới phù hợp với ngành triết học và các chuyên ngành của nó.

- Đề tài luận án phải được tiểu ban chuyên môn thông qua trong quy trình xét tuyển đào tạo trình độ tiến sĩ, được thủ trưởng đơn vị đào tạo ra quyết định giao đề tài và người hướng dẫn. Nghiên cứu sinh phải trình bày nội dung, kế hoạch nghiên cứu trước đơn vị chuyên môn chậm nhất 3 tháng sau khi nhận đề tài luận án và báo cáo kết quả

nghiên cứu 6 tháng 1 lần trong thời gian thực hiện luận án. Kết quả đánh giá báo cáo là điều kiện để xem xét việc đề nghị cho bảo vệ luận án.

- Luận án có dung lượng không quá 300 trang A4, không kể phụ lục, trong đó có cam đoan sự trung thực của nghiên cứu sinh về nội dung luận án, ít nhất 50% số trang trình bày kết quả nghiên cứu và biện luận của riêng nghiên cứu sinh theo cấu trúc: Phần mở đầu, Tổng quan các vấn đề nghiên cứu, nội dung, kết quả nghiên cứu, kết luận và khuyến nghị, danh mục các công trình công bố kết quả nghiên cứu của đề tài, luận án, danh mục tài liệu tham khảo, phụ lục (nếu có). Bản tóm tắt luận án có dung lượng không quá 24 trang A5 phản ánh trung thực kết cấu, bố cục và nội dung của luận án, phải ghi đầy đủ toàn văn kết luận của luận án. Bản thông tin luận án khoảng 3 đến 5 trang (300 đến 500 chữ) bằng tiếng Việt và tiếng Anh trình bày những nội dung cơ bản, những nội dung mới và những đóng góp quan trọng nhất của luận án.

- Kết quả luận án có giá trị đối với các lĩnh vực chuyên ngành thuộc triết học, về lí thuyết khoa học cũng như thực tiễn quản lí, tạo dựng các giá trị bền vững thông qua hoạt động của người học.

- Luận án phải là một công trình nghiên cứu khoa học sáng tạo của chính nghiên cứu sinh, có đóng góp về mặt lí luận và thực tiễn trong lĩnh vực nghiên cứu hoặc giải pháp mới có giá trị trong việc phát triển, gia tăng tri thức khoa học của lĩnh vực triết học, giải quyết sáng tạo các vấn đề chuyên ngành thuộc Triết học hay thực tiễn kinh tế - xã hội, văn hóa – đạo đức, tín ngưỡng – tôn giáo...; Thể hiện được hiểu biết sâu sắc về kiến thức và phương pháp nghiên cứu chuyên ngành trong giải quyết đề tài nghiên cứu cụ thể.

- Kết quả nghiên cứu trong luận án phải là kết quả lao động của chính tác giả thu được chủ yếu trong thời gian đào tạo. Nếu sử dụng kết quả, tài liệu của người khác (bảng, biểu, công thức, đồ thị cùng những tài liệu khác) thì phải được những người đó đồng ý và trích dẫn tường minh. Nếu luận án là công trình khoa học hoặc một phần công trình khoa học của một tập thể trong đó tác giả đóng góp phần chính thì phải xuất trình các văn bản thể hiện sự nhất trí của các thành viên trong tập thể đó cho tác giả sử dụng kết quả chung của tập thể để viết luận án.

2. Yêu cầu về năng lực nghiên cứu

Nghiên cứu sinh công bố kết quả nghiên cứu của luận án trên tạp chí khoa học chuyên ngành kết quả nghiên cứu của luận án trên tạp chí khoa học chuyên ngành với vai trò là tác giả chính (tác giả tên đầu/tác giả liên hệ), có tổng điểm từ 2,0 điểm trở lên tính theo điểm tối đa do Hội đồng Giáo sư nhà nước quy định cho mỗi loại công trình (không

chia điểm khi có đồng tác giả). Các công bố quốc tế phải được viết bằng tiếng nước ngoài, các bài báo đăng trên các tạp chí khoa học chuyên ngành trong nước phải thuộc danh mục được Hội đồng Giáo sư nhà nước quy định khung điểm đánh giá tối thiểu 0,75 điểm và đáp ứng một trong các tiêu chí sau:

- Có tối thiểu 01 bài đăng trên tạp chí khoa học thuộc danh mục Web of Science hoặc Scopus (sau đây gọi chung là danh mục WoS/Scopus);

- Có 01 bằng phát minh sáng chế/giải pháp hữu ích đã được cấp và tối thiểu 01 bài báo/báo cáo quốc tế thuộc một trong các ấn phẩm sau: (i) chương sách tham khảo do các nhà xuất bản quốc tế có uy tín phát hành, hoặc (ii) sách chuyên khảo do các nhà xuất bản có uy tín quốc tế phát hành, hoặc (iii) báo cáo trong kỉ yếu hội thảo quốc tế có phản biện, có mã số ISBN, hoặc (iv) bài báo đăng trên tạp chí khoa học chuyên ngành có uy tín của nước ngoài có phản biện, có mã số ISSN;

- Có tối thiểu 02 bài báo/báo cáo quốc tế thuộc một trong các ấn phẩm sau: (i) chương sách tham khảo do các nhà xuất bản quốc tế có uy tín phát hành, hoặc (ii) sách chuyên khảo do các nhà xuất bản có uy tín quốc tế phát hành, hoặc (iii) báo cáo trong kỉ yếu hội thảo quốc tế có phản biện, có mã số ISBN, hoặc (iv) bài báo đăng trên tạp chí khoa học chuyên ngành có uy tín của nước ngoài có phản biện, có mã số ISSN.

3. Chuẩn đầu ra về kiến thức

PLO 01: Vận dụng thế giới quan và phương pháp luận triết học, đặc biệt là triết học Mác – Lênin, vào việc nhận thức, nghiên cứu các vấn đề trong lĩnh vực chuyên môn và hoạt động thực tiễn của người học.

PLO 02: Biện luận về các nội dung và chủ đề triết học trong lịch sử triết học Đông – Tây và giá trị, ý nghĩa của chúng trong bối cảnh đương đại.

PLO 03: Đánh giá các tri thức về chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử, giá trị và ý nghĩa phương pháp luận của chúng trong bối cảnh hiện nay.

PLO 04: Đánh giá các tri thức về chủ nghĩa xã hội khoa học ở Việt Nam và trên thế giới, giá trị và ý nghĩa của chúng trong cách mạng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam hiện nay.

PLO 05: Đánh giá các tri thức về văn hóa và tôn giáo ở Việt Nam và trên thế giới, giá trị và ý nghĩa của chúng trong thời đại ngày nay, và đề xuất kiến nghị, dự báo cho hoạt động thực tiễn.

PLO 06: Hệ thống hóa và sáng tạo về mặt lý thuyết để giải quyết các vấn đề lý luận và thực tiễn của triết học, chính trị, xã hội, văn hóa, quản lý, tôn giáo – tín ngưỡng

ở Việt Nam và trên thế giới.

4. Chuẩn đầu ra về kĩ năng

PLO 07: Làm chủ việc kết hợp các phương pháp nghiên cứu và tri thức liên ngành để thiết kế và triển khai đề tài nghiên cứu triết học, sáng tạo lý thuyết hoặc đề xuất giải pháp khả thi để giải quyết các vấn đề thực tiễn.

PLO 08: Tham gia thảo luận tại các diễn đàn chuyên môn và công bố khoa học trong nước và quốc tế.

PLO 09: Kĩ năng quản lý, điều hành chuyên môn trong nghiên cứu và phát triển: xây dựng nhóm nghiên cứu; tham gia hướng dẫn sinh viên, học viên nghiên cứu khoa học, làm khoá luận, luận văn tốt nghiệp; tham gia tổ chức thực hiện và phản biện, đánh giá các chính sách, đề án phát triển kinh tế - xã hội, văn hoá, khoa học - công nghệ cũng như hiệu quả của hoạt động hiện thực hóa chúng.

5. Chuẩn đầu ra về mức độ tự chủ và chịu trách nhiệm

PLO 10: Dẫn dắt và định hướng chuyên môn trước sự biến chuyển của lĩnh vực chuyên môn bằng cách cập nhật tri thức mới trong và ngoài nước, nâng cao hiểu biết và năng lực ứng dụng trong công tác.

PLO 11: Phát triển các nghiên cứu, đề xuất sáng kiến, giải pháp cho những vấn đề triết học nảy sinh trong những hoàn cảnh phức tạp và biến đổi.

PLO 12: Ra quyết định và chịu trách nhiệm với vai trò chuyên gia và nhà quản lý trong chuyên môn và thực tiễn công tác.

6. Vị trí làm việc của nghiên cứu sinh sau khi tốt nghiệp

- Nghiên cứu viên và giảng viên trong các lĩnh vực triết học (Lịch sử triết học, Chủ nghĩa duy vật biện chứng và Chủ nghĩa duy vật lịch sử, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Tôn giáo học, Quản lý văn hóa - tôn giáo, và các ngành lý luận chính trị khác) trong các viện nghiên cứu, các trường đại học, cao đẳng, học viện, các trường trung học chuyên nghiệp, dạy nghề, và hệ thống cơ sở đào tạo của các tổ chức chính trị - xã hội.

- Cán bộ, viên chức trong các cơ quan của Đảng và Nhà nước, trong các tổ chức thuộc hệ thống chính trị các cấp, các tổ chức khoa học, xã hội phi nhà nước.

- Những vị trí quản lý và chuyên gia trong các tổ chức kinh tế, văn hóa thuộc khu vực tư nhân.

7. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp

- NCS sau khi tốt nghiệp có thể tiếp tục hoàn thiện và tích lũy kinh nghiệm nghiên cứu, phản biện; tham gia các khóa đào tạo, nâng cao trình độ trong và ngoài nước; tham gia các Hội đồng đánh giá đề tài nghiên cứu khoa học, bài giảng, giáo trình, luận văn, luận án; tham gia và chủ trì các đề tài nghiên cứu triết học các cấp, hướng dẫn khóa luận, luận văn, luận án; viết giáo trình, bài giảng, sách chuyên khảo, và công bố khoa học trong nước và quốc tế.

PHẦN III. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Tóm tắt yêu cầu chương trình đào tạo

1.1. Đối với NCS có bằng thạc sĩ

Tổng số tín chỉ phải tích lũy:	105 tín chỉ, trong đó:
- Các học phần tiến sĩ:	13 tín chỉ
+ Bắt buộc:	03 tín chỉ
+ Tự chọn:	10 tín chỉ/48 tín chỉ
- Chuyên đề tiến sĩ, tiểu luận tổng quan, NCKH:	08 tín chỉ
+ Chuyên đề tiến sĩ:	06 tín chỉ
+ Tiểu luận tổng quan:	02 tín chỉ
+ Nghiên cứu khoa học (<i>không tính số tín chỉ nhưng là yêu cầu bắt buộc trong CTĐT</i>)	
- NCS tham gia sinh hoạt chuyên môn, công tác trợ giảng và hỗ trợ đào tạo đại học. (<i>không tính số tín chỉ nhưng là yêu cầu bắt buộc trong CTĐT</i>)	
- Luận án tiến sĩ:	84 tín chỉ

1.2. Đối với NCS chưa có bằng thạc sĩ

Tổng số tín chỉ phải tích lũy:	36 tín chỉ, trong đó:
- Học phần bổ sung:	31 tín chỉ
+ Bắt buộc:	25 tín chỉ
+ Tự chọn:	6/62 tín chỉ
- Các học phần tiến sĩ:	13 tín chỉ
+ Bắt buộc:	03 tín chỉ
+ Tự chọn:	10 tín chỉ /48 tín chỉ

- Chuyên đề tiến sĩ, tiểu luận tổng quan, NCKH: **08** tín chỉ
- + Chuyên đề tiến sĩ: 06 tín chỉ
- + Tiểu luận tổng quan: 02 tín chỉ
- + Nghiên cứu khoa học (*không tính số tín chỉ nhưng là yêu cầu bắt buộc trong CTĐT*)
- Tham gia sinh hoạt chuyên môn, công tác trợ giảng và hỗ trợ đào tạo học (*không tính số tín chỉ nhưng là yêu cầu bắt buộc trong CTĐT*)
- Luận án tiến sĩ: **84** tín chỉ

2. Khung chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ

2.1. Khung chương trình dành cho NCS có bằng thạc sĩ

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ học tập			Mã số học phần tiên quyết
				Lí thuyết ¹	Thực hành ²	Tự học ³	
I	CÁC HỌC PHẦN TIÊN SĨ		13				
I.1	Các học phần bắt buộc		3				
1	PHI8024	Phương pháp luận biện chứng duy vật trong nghiên cứu các vấn đề lý luận và thực tiễn hiện nay <i>Dialectical Materialistic Methodology in Studying Today's Theoretical and Practical Issues</i>	3	42	6	102	
I.2	Các học phần tự chọn (Chọn một trong 4 định hướng chuyên sâu)		10/48				
I.2.1	Hướng chuyên sâu Chủ nghĩa duy vật biện chứng và Chủ nghĩa duy vật lịch sử		10/12				
2	PHI8025	Triết học Đông – Tây: cách tiếp cận nghiên cứu so sánh <i>Philosophy East and West: Comparative Approach</i>	2	28	4	68	
3	PHI8090	Triết học xã hội ở Việt Nam hiện nay: những vấn đề lý luận chung <i>Social Philosophy in Vietnam Today: General Theoretical Issues</i>	2	28	4	68	
4	PHI8027	Tiến bộ, công bằng xã hội và phát triển bền vững <i>Social Progress, Social Justice and Sustainable Development</i>	2	28	4	68	
5	PHI8003	Một số vấn đề phương pháp	2	28	4	68	

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ học tập			Mã số học phần tiên quyết
				Lí thuyết ¹	Thực hành ²	Tự học ³	
		luận nghiên cứu toàn cầu hóa và phát triển kinh tế tri thức <i>Some Methodological Issues on Globalization and Development of Knowledge Based Economy</i>					
6	PHI8004	Phép biện chứng với sự phát triển khoa học và công nghệ trong thời đại cách mạng công nghiệp 4.0 <i>Dialectics and the Development of Science and Technology in the Age of the Fourth Industrial Revolution</i>	2	28	4	68	
7	PHI8094	Mô hình chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam: tính phổ biến và đặc thù <i>The Vietnamese Model of Socialism: Universality and Particularity</i>	2	28	4	68	
I.2.2	<i>Hướng chuyên sâu Lịch sử triết học</i>		10/12				
8	PHI8125	Triết học Đông - Tây: cách tiếp cận nghiên cứu so sánh <i>Philosophy East and West: Comparative Approach</i>	2	28	4	68	
9	PHI8006	Tôn giáo và Triết học: Cách tiếp cận lý thuyết và thực tiễn ở Việt Nam <i>Religion and Philosophy: Theoretical Approaches and Practice in Vietnam</i>	2	28	4	68	
10	PHI8081	Lịch sử tư tưởng triết học giáo dục phương Tây <i>History of Western Philosophy of Education</i>	2	28	4	68	
11	PHI8082	Tư tưởng chính trị - xã hội của Nho giáo và sự tiếp biến ở Việt Nam <i>Confucian Socio-Political Thoughts: Reception and Transformation in Vietnam</i>	2	28	4	68	
12	PHI8083	Tư tưởng triết học pháp quyền phương Tây và ý nghĩa đối với Việt Nam <i>Western Legal Philosophy and Its Significance for Vietnam</i>	2	28	4	68	
13	PHI8084	Tư tưởng Duy tân ở Nhật Bản và Trung Quốc thế kỷ XX và giá trị đối với tư tưởng Việt	2	28	4	68	

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ học tập			Mã số học phần tiên quyết
				Lí thuyết ¹	Thực hành ²	Tự học ³	
		Nam <i>Innovation Thoughts in Japan and China in the 20th Century and Their Values for Vietnam</i>					
I.2.3		<i>Hướng chuyên sâu Chủ nghĩa xã hội khoa học</i>	10/12				
14	PHI8090	Triết học xã hội ở Việt Nam hiện nay: những vấn đề lý luận chung <i>Social Philosophy in Vietnam Today: General Theoretical Issues</i>	2	28	4	68	
15	PHI8094	Mô hình chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam: tính phổ biến và đặc thù <i>The Vietnamese Model of Socialism: Universality and Particularity</i>	2	28	4	68	
16	PHI8091	Văn hóa gia đình Việt Nam hiện nay: Lý luận và thực tiễn <i>Vietnamese Family Culture Today: Theory and Practice</i>	2	28	4	68	
17	PHI8092	Xây dựng và phát triển toàn diện con người Việt Nam trong giai đoạn hiện nay <i>Comprehensive Building and Development of Vietnamese People Today</i>	2	28	4	68	
18	PHI8037	Giai cấp công nhân Việt Nam trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và vấn đề trí thức hóa công nhân <i>Vietnamese Working Class in the Process of Industrialization and Modernization of the Country and the Issue of Intellectualizing the Working Class</i>	2	28	4	68	
19	PHI8093	Hệ thống chính trị cơ sở ở Việt Nam hiện nay: lý luận và thực tiễn <i>Local Political System in Vietnam Today: Theory and Practice</i>	2	28	4	68	
I.2.4		<i>Hướng chuyên sâu Triết học và Quản lý văn hóa – tôn giáo</i>	10/12				
20	PHI8085	Tôn giáo và văn hóa <i>Religion and Culture</i>	2	28	4	68	

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ học tập			Mã số học phần tiên quyết
				Lí thuyết ¹	Thực hành ²	Tự học ³	
21	PHI8006	Tôn giáo và Triết học: Cách tiếp cận lý thuyết và thực tiễn ở Việt Nam <i>Religion and Philosophy: Theoretical Approaches and Practice in Vietnam</i>	2	28	4	68	
22	PHI8086	Tôn giáo và pháp quyền <i>Religion and the Rule of Law</i>	2	28	4	68	
23	PHI8087	Nho giáo và xã hội Đông Á từ truyền thống đến hiện đại <i>Confucianism and East Asian Societies from Tradition to Present</i>	2	28	4	68	
24	PHI8088	Mối quan hệ giữa nhà nước và làng xã trong quản lý văn hóa - tôn giáo <i>State-Village Interaction in Administration of Religion-Culture</i>	2	28	4	68	
25	PHI8089	Văn hóa Phật giáo và văn hóa Việt Nam - một số vấn đề quản lý nhà nước <i>Buddhist Culture and Vietnamese Culture: Issues in Governmental Management</i>	2	28	4	68	
II	Chuyên đề tiên sĩ, tiểu luận tổng quan và NCKH		8				
II.1	Chuyên đề tiên sĩ		6				
26	PHI8067	Chuyên đề 1 <i>Special Topic 1</i>	2	0	10	90	
27	PHI8068	Chuyên đề 2 <i>Special Topic 2</i>	2	0	10	90	
28	PHI8069	Chuyên đề 3 <i>Special Topic 3</i>	2	0	10	90	
II.2	Tiểu luận tổng quan		2				
29	PHI8042	Tiểu luận tổng quan <i>Literature Review</i>	2	0	10	90	
II.3	Nghiên cứu khoa học NCS xây dựng kế hoạch nghiên cứu, tổ chức triển khai và công bố các công trình nghiên cứu liên quan đến luận án trên các tạp chí chuyên ngành dưới sự hướng dẫn của giáo viên hướng dẫn						
III	Sinh hoạt chuyên môn, trợ giảng và hỗ trợ đào tạo Khoa lên lịch sinh hoạt chuyên môn và lịch cho từng NCS báo cáo, trình bày kết quả hoạt động chuyên môn của mình tại seminar do đơn vị chuyên môn tổ chức trong từng năm học. NCS phải tham gia đầy đủ các seminar khoa học hoặc các hội nghị, hội thảo do đơn vị chuyên môn tổ chức, quy định						
IV	LUẬN ÁN TIÊN SĨ		84				

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ học tập			Mã số học phần tiên quyết
				Lý thuyết ¹	Thực hành ²	Tự học ³	
30	PHI9004	Luận án tiến sĩ <i>Doctoral Dissertation</i>	84	0	0	4200	
Tổng cộng			105				

2.2. Khung chương trình dành cho NCS chưa có bằng thạc sĩ

TT	Mã học phần	Học phần	Số tín chỉ	Số giờ học tập			Mã số học phần tiên quyết
				Lý thuyết ¹	Thực hành ²	Tự học ³	
I	Học phần bổ sung		31				
I.1	Các học phần bắt buộc		13				
1	PHI6224	Thế giới quan, phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu triết học <i>Philosophical Worldview, Methodology and Method</i>	3	42	6	102	
2	PHI6035	Tư tưởng triết học Việt Nam: Truyền thống và hiện đại <i>Vietnamese Philosophical Thoughts: Tradition and Present</i>	2	28	4	68	
3	PHI6016	Triết học về con người trong cách mạng khoa học - công nghệ <i>Philosophy of Man in the Scientific-Technological Revolution</i>	2	28	4	68	
4	PHI6137	Vũ trụ quan trong triết học phương Đông <i>Cosmology in Eastern Philosophy</i>	2	28	4	68	
5	PHI6138	Triết học lịch sử <i>Philosophy of History</i>	2	28	4	68	
6	PHI6011	Nhà nước pháp quyền: Một số vấn đề lý luận và thực tiễn <i>Legal State: Some Theoretical and Practical Issues</i>	2	28	4	68	
7	SSH6001	Các tiếp cận và phương pháp nghiên cứu trong khoa học xã hội và nhân văn <i>The Approaches and Research methods of Social Sciences and Humanities</i>	4	30	15	155	
8	SSH6002	Các trường phái trong khoa học xã hội và nhân văn <i>The Schools in Social Sciences and Humanities</i>	4	30	15	155	

TT	Mã học phần	Học phần	Số tín chỉ	Số giờ học tập			Mã số học phần tiên quyết
				Lý thuyết ¹	Thực hành ²	Tự học ³	
9	PHI6222	Sự biến đổi vai trò của triết học trong thế giới toàn cầu hóa <i>Changes in the Role of Philosophy in a Globalized World</i>	2	15	0	85	
10	PHI6223	Một số vấn đề triết học của chuyển đổi số, kinh tế số, xã hội số <i>Philosophical Issues in Digitalization, Digital Economy and Digital Society</i>	2	15	0	85	
I.2	Các học phần tự chọn (chọn 1 trong 3 định hướng chuyên sâu)		6/62				
I.2.1	Hướng chuyên sâu Triết học		6/22				
11	PHI6114	Triết học chính trị - xã hội Tây Âu Cổ - Trung đại <i>Socio-political Philosophy in Western Europe during the Ancient and Medieval Ages</i>	3	42	6	102	
12	PHI6040	Triết học chính trị - xã hội Tây Âu Cận đại <i>Socio-political Philosophy in Western Europe during the Modern Age</i>	3	42	6	102	
13	PHI6208	Triết học Tây Âu thế kỷ XIX - XX qua một số tác phẩm tiêu biểu <i>Western European Philosophy in the 19th and 20th Centuries through Typical Works</i>	2	28	4	68	
14	PHI6209	Triết học Khoa học Tự nhiên <i>Philosophy of Natural Science</i>	2	28	4	68	
15	PHI6210	Đạo đức truyền thống Việt Nam trong điều kiện kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế <i>Vietnamese Traditional Ethics under the Conditions of the Market Economy and International Integration</i>	2	28	4	68	
16	PHI6145	Nguồn gốc, bản chất và sự vận động của cái đẹp <i>Source, Essence and Movement of Beauty</i>	2	28	4	68	
17	PHI6143	Toàn cầu hoá và kinh tế tri thức <i>Globalization and Knowledge Based Economy</i>	2	28	4	68	
18	PHI6031	Tư tưởng triết học trong Kinh	2	28	4	68	

TT	Mã học phần	Học phần	Số tín chỉ	Số giờ học tập			Mã số học phần tiên quyết
				Lý thuyết ¹	Thực hành ²	Tự học ³	
		Dịch <i>Philosophical Thoughts in the Book of Changes</i>					
19	PHI6211	Triết lý chính trị Hồ Chí Minh và đổi mới ở Việt Nam <i>Ho Chi Minh's Political Philosophy and the Reform in Vietnam</i>	2	28	4	68	
20	PHI6130	Triết học Trung Quốc cận hiện đại <i>Chinese Pre-Modern and Modern Philosophy</i>	2	28	4	68	
I.2.2	<i>Hướng chuyên sâu Chủ nghĩa xã hội khoa học</i>		6/20				
21	PHI6129	Vấn đề dân chủ và dân chủ hóa đời sống xã hội: Lịch sử và hiện tại <i>Democracy and Democratization of Social Life: History and Modern Time</i>	2	28	4	68	
22	PHI6147	Chủ nghĩa xã hội và vấn đề quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam <i>Socialism and Transition to Socialism in Vietnam</i>	3	42	6	102	
23	PHI6148	Tư tưởng Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam <i>Ho Chi Minh Thoughts on Socialism and the Path to Socialism in Vietnam</i>	3	42	6	102	
24	PHI6212	Chính sách an sinh xã hội trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam hiện nay <i>Social Welfare Policy in Context of Socialist Market Economy in Vietnam Today</i>	2	28	4	68	
25	PHI6150	Giai cấp công nhân hiện đại và sứ mệnh lịch sử của nó <i>The Modern Working Class and Its Historical Mandate</i>	2	28	4	68	
26	PHI6151	Trí thức Việt Nam trong quá trình đổi mới đất nước <i>Vietnamese Intellectuals in the Renovation Process of the Country</i>	2	28	4	68	

TT	Mã học phần	Học phần	Số tín chỉ	Số giờ học tập			Mã số học phần tiên quyết
				Lý thuyết ¹	Thực hành ²	Tự học ³	
27	PHI6155	Nông dân Việt Nam trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước <i>Vietnamese Farmers in the Process of Industrialization and Modernization</i>	2	28	4	68	
28	PHI6258	Quan hệ dân tộc ở Việt Nam hiện nay <i>Relationships among Ethnic Groups in Vietnam Nowadays</i>	2	28	4	68	
29	PHI6159	Văn hóa làng trong quá trình đổi mới ở Việt Nam <i>Village Cultures in the Renovation Process of Vietnam</i>	2	28	4	68	
I.2.3	<i>Hướng chuyên sâu Triết học và Quản lý văn hóa-tôn giáo</i>		6/20				
30	PHI6213	Tôn giáo và thiết chế xã hội ở Việt Nam <i>Religion and Social Institutions in Vietnam</i>	3	42	6	102	
31	PHI6214	Chủ nghĩa đa nguyên tôn giáo: Tính thiêng và không gian thiêng trong xã hội hiện đại <i>Religious Pluralism: The Sacred and Sacred Spaces in Modern Society</i>	2	28	4	68	
32	PHI6215	Kinh điển Tam giáo <i>Classics of the Three Religions</i>	3	42	6	102	
33	PHI6216	Đạo Tin lành và vấn đề quản lý văn hóa - xã hội ở Việt Nam <i>Protestantism and Socio-cultural Management in Vietnam</i>	2	28	4	68	
34	PHI6217	Triết học Phật giáo <i>Buddhist Philosophy</i>	2	28	4	68	
35	PHI6218	Triết học và quản lý văn hóa - tôn giáo với vấn đề tôn giáo mới <i>Philosophy and Administration of Religion-Culture: The New Religious Movement Issue</i>	2	28	4	68	
36	PHI6219	Tôn giáo nội sinh ở Việt Nam: Lịch sử và hiện tại <i>Indigenous Religion in Vietnam: History and Present</i>	2	28	4	68	
37	PHI6220	Quản lý nhà nước về văn hóa - tôn giáo: trường hợp Công giáo	2	28	4	68	

TT	Mã học phần	Học phần	Số tín chỉ	Số giờ học tập			Mã số học phần tiên quyết
				Lý thuyết ¹	Thực hành ²	Tự học ³	
		và các tôn giáo, tín ngưỡng dân gian <i>Governmental Administration of Religion and Culture: The Cases of the Catholicism and Folk Religions</i>					
38	PHI6221	Triết học sinh thái và quản lý văn hóa - tôn giáo <i>Ecological Philosophy and Administration of Religion-Culture</i>	2	28	4	68	
II	CÁC HỌC PHẦN TIÊN SĨ		13				
II.1	Các học phần bắt buộc		3				
39	PHI8024	Phương pháp luận biện chứng duy vật trong nghiên cứu các vấn đề lý luận và thực tiễn hiện nay <i>Dialectical Materialistic Methodology in Studying Today's Theoretical and Practical Issues</i>	3	42	6	102	
II.2	Các học phần tự chọn (Chọn 1 trong 4 định hướng chuyên sâu)		10/48				
II.2.1	Hướng chuyên sâu Chủ nghĩa duy vật biện chứng và Chủ nghĩa duy vật lịch sử		10/12				
40	PHI8025	Triết học Đông – Tây: cách tiếp cận nghiên cứu so sánh <i>Philosophy East and West: Comparative Approach</i>	2	28	4	68	
41	PHI8090	Triết học xã hội ở Việt Nam hiện nay: những vấn đề lý luận chung <i>Social Philosophy in Vietnam Today: General Theoretical Issues</i>	2	28	4	68	
42	PHI8027	Tiến bộ, công bằng xã hội và phát triển bền vững <i>Social Progress, Social Justice and Sustainable Development</i>	2	28	4	68	
43	PHI8003	Một số vấn đề phương pháp luận nghiên cứu toàn cầu hóa và phát triển kinh tế tri thức <i>Some Methodological Issues on Globalization and Development of Knowledge Based Economy</i>	2	28	4	68	
44	PHI8004	Phép biện chứng với sự phát triển khoa học và công nghệ	2	28	4	68	

TT	Mã học phần	Học phần	Số tín chỉ	Số giờ học tập			Mã số học phần tiên quyết
				Lý thuyết ¹	Thực hành ²	Tự học ³	
		trong thời đại cách mạng công nghiệp 4.0 <i>Dialectics and the Development of Science and Technology in the Age of the Fourth Industrial Revolution</i>					
45	PHI8094	Mô hình chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam: tính phổ biến và đặc thù <i>The Vietnamese Model of Socialism: Universality and Particularity</i>	2	28	4	68	
II.2.2	<i>Hướng chuyên sâu Lịch sử triết học</i>		10/12				
46	PHI8125	Triết học Đông - Tây: cách tiếp cận nghiên cứu so sánh <i>Philosophy East and West: Comparative Approach</i>	2	28	4	68	
47	PHI8006	Tôn giáo và Triết học: Cách tiếp cận lý thuyết và thực tiễn ở Việt Nam <i>Religion and Philosophy: Theoretical Approaches and Practice in Vietnam</i>	2	28	4	68	
48	PHI8081	Lịch sử tư tưởng triết học giáo dục phương Tây <i>History of Western Philosophy of Education</i>	2	28	4	68	
49	PHI8082	Tư tưởng chính trị - xã hội của Nho giáo và sự tiếp biến ở Việt Nam <i>Confucian Socio-Political Thoughts: Reception and Transformation in Vietnam</i>	2	28	4	68	
50	PHI8083	Tư tưởng triết học pháp quyền phương Tây và ý nghĩa đối với Việt Nam <i>Western Legal Philosophy and Its Significance for Vietnam</i>	2	28	4	68	
51	PHI8084	Tư tưởng Duy tân ở Nhật Bản và Trung Quốc thế kỷ XX và giá trị đối với tư tưởng Việt Nam <i>Innovation Thoughts in Japan and China in the 20th Century and Their Values for Vietnam</i>	2	28	4	68	
II.2.3	<i>Hướng chuyên sâu Chủ nghĩa xã hội khoa học</i>		10/12				
52	PHI8090	Triết học xã hội ở Việt Nam hiện nay: những vấn đề lý luận	2	28	4	68	

TT	Mã học phần	Học phần	Số tín chỉ	Số giờ học tập			Mã số học phần tiên quyết
				Lý thuyết ¹	Thực hành ²	Tự học ³	
		chung <i>Social Philosophy in Vietnam Today: General Theoretical Issues</i>					
53	PHI8094	Mô hình chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam: tính phổ biến và đặc thù <i>The Vietnamese Model of Socialism: Universality and Particularity</i>	2	28	4	68	
54	PHI8091	Văn hóa gia đình Việt Nam hiện nay: Lý luận và thực tiễn <i>Vietnamese Family Culture Today: Theory and Practice</i>	2	28	4	68	
55	PHI8092	Xây dựng và phát triển toàn diện con người Việt Nam trong giai đoạn hiện nay <i>Comprehensive Building and Development of Vietnamese People Today</i>	2	28	4	68	
56	PHI8037	Giai cấp công nhân Việt Nam trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và vấn đề tri thức hóa công nhân <i>Vietnamese Working Class in the Process of Industrialization and Modernization of the Country and the Issue of Intellectualizing the Working Class</i>	2	28	4	68	
57	PHI8093	Hệ thống chính trị cơ sở ở Việt Nam hiện nay: lý luận và thực tiễn <i>Local Political System in Vietnam Today: Theory and Practice</i>	2	28	4	68	
II.2.4	<i>Hướng chuyên sâu Triết học và Quản lý văn hóa – tôn giáo</i>		10/12				
58	PHI8085	Tôn giáo và văn hóa <i>Religion and Culture</i>	2	28	4	68	
59	PHI8006	Tôn giáo và Triết học: Cách tiếp cận lý thuyết và thực tiễn ở Việt Nam <i>Religion and Philosophy: Theoretical Approaches and Practice in Vietnam</i>	2	28	4	68	
60	PHI8086	Tôn giáo và pháp quyền <i>Religion and the Rule of Law</i>	2	28	4	68	

TT	Mã học phần	Học phần	Số tín chỉ	Số giờ học tập			Mã số học phần tiên quyết
				Lý thuyết ¹	Thực hành ²	Tự học ³	
61	PHI8087	Nho giáo và xã hội Đông Á từ truyền thống đến hiện đại <i>Confucianism and East Asian Societies from Tradition to Present</i>	2	28	4	68	
62	PHI8088	Mối quan hệ giữa nhà nước và làng xã trong quản lý văn hóa - tôn giáo <i>State-Village Interaction in Administration of Religion-Culture</i>	2	28	4	68	
63	PHI8089	Văn hóa Phật giáo và văn hóa Việt Nam - một số vấn đề quản lý nhà nước <i>Buddhist Culture and Vietnamese Culture: Issues in Governmental Management</i>	2	28	4	68	
III	Chuyên đề tiến sĩ, tiểu luận tổng quan và NCKH		8				
III.1	Chuyên đề tiến sĩ		6				
64	PHI8067	Chuyên đề 1 <i>Special Topic 1</i>	2	0	10	90	
65	PHI8068	Chuyên đề 2 <i>Special Topic 2</i>	2	0	10	90	
66	PHI8069	Chuyên đề 3 <i>Special Topic 3</i>	2	0	10	90	
III.2	Tiểu luận tổng quan		2				
67	PHI8042	Tiểu luận tổng quan <i>Literature Review</i>	2	0	10	90	
III.3	Nghiên cứu khoa học NCS xây dựng kế hoạch nghiên cứu, tổ chức triển khai và công bố các công trình nghiên cứu liên quan đến luận án trên các tạp chí chuyên ngành dưới sự hướng dẫn của giáo viên hướng dẫn						
IV	Sinh hoạt chuyên môn, trợ giảng và hỗ trợ đào tạo Khoa lên lịch sinh hoạt chuyên môn và lịch cho từng NCS báo cáo, trình bày kết quả hoạt động chuyên môn của mình tại seminar do đơn vị chuyên môn tổ chức trong từng năm học. NCS phải tham gia đầy đủ các seminar khoa học hoặc các hội nghị, hội thảo do đơn vị chuyên môn tổ chức, quy định						
V	LUẬN ÁN TIẾN SĨ		84				
68	PHI9004	Luận án tiến sĩ <i>Doctoral Dissertation</i>	84	0	0	4200	
	Tổng cộng		136				

Lưu ý: Một tín chỉ được tính tương đương 50 giờ học tập định mức của người học, bao gồm cả thời gian dự giờ giảng, giờ học có hướng dẫn, tự học, nghiên cứu, trải nghiệm và dự kiểm tra, đánh giá; đối với hoạt động dạy trên lớp, một tín chỉ yêu cầu thực hiện tối thiểu 15 giờ

giảng hoặc 30 giờ thực hành, thí nghiệm, thảo luận trong đó một giờ trên lớp được tính bằng 50 phút.

(1): Lí thuyết

(2): Thực hành, Thí nghiệm, Thảo luận

(3): Thực tập, Nghiên cứu, Tự học có kiểm tra đánh giá